

TRƯỜNG TH YÊN ĐỊNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 208 /BB - THYĐ

Hải Hậu, ngày 15 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN

**Thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm
của viên chức quản lý trường Tiểu học Yên Định.**

I. Thời gian bắt đầu: 15 giờ 30 phút, ngày 15/12/2021.

II. Địa điểm: Phòng Hội đồng trường Tiểu học Yên Định huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

III. Thành phần tham dự:

1. Lãnh đạo trường: 02 người (Bà Nguyễn Thị Chiên - Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng, bà Nguyễn Thị Thu Hà - Phó Bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng.).

2. Viên chức phụ trách việc công khai bản kê khai tài sản thu nhập của cơ quan: bà Nguyễn Thị Tươi - nhân viên trường

3. Đại diện Công đoàn trường: Bà Bùi Thị Quy - Chủ tịch Công đoàn

IV. Nội dung

Trường Tiểu học Yên Định lập biên bản về thời gian bắt đầu thực hiện niêm yết công khai bản kê khai tài sản thu nhập hằng năm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thuộc diện phải kê khai của nhà trường.

1. Nhà trường đã thực hiện công khai bản kê khai tài sản thu nhập của viên chức quản lý thuộc diện phải kê khai tại cuộc họp cơ quan.

2. Tổng số bản kê khai tài sản thu nhập: 02 bản của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

3. Thời gian niêm yết công khai: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 29/12/2021.

Biên bản được kết thúc vào 16 giờ 25 phút, ngày 15/12/2021./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Hué



Bùi Thị Quy



Nguyễn Thị Chiên

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất: Thửa đất số 438. Tờ bản đồ số 3

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Xóm 2, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Diện tích⁽⁹⁾: 1325 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định giá trị vì không có giao dịch đối với tài sản tương tự

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CK 723326 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 12/4/2018, người sử dụng Phạm Văn Toàn và Nguyễn Thị Chiên.

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Thửa đất số 177. Tờ bản đồ số 4

- Địa chỉ⁽⁸⁾: TDP số 4, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Diện tích⁽⁹⁾: 41 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định giá trị vì không có giao dịch đối với tài sản tương tự

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: BM 115843 do UBND huyện Hải Hậu cấp ngày 17/4/2013, người sử dụng Nguyễn Thị Chiên

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: 2 vụ lúa.

- Địa chỉ: Xóm 2, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Diện tích: 1005 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định giá trị vì không có giao dịch đối với tài sản tương tự

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số I. 947521 do UBND huyện Hải Hậu cấp ngày 20/11/1996, người sử dụng Phạm Văn Toàn

- Thông tin khác (nếu có): Không

1.2.2. Thửa thứ 2: Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Thửa đất số 438. Tờ bản đồ số 3

- Địa chỉ: Xóm 2, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ

2/2

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 120 m²
- Giá trị ⁽¹⁰⁾: Không xác định được giá trị vì tài sản sử dụng đã lâu.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CK 723326 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh nam Định cấp ngày 12/4/2018, người sử dụng Phạm Văn Toàn và Nguyễn Thị Chiên.

- Thông tin khác (nếu có): Không

2.1.2. Nhà thứ 2: Thửa đất số 177. Tờ bản đồ số 4

- Địa chỉ: TDP số 4, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
- Loại nhà ⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 80 m²
- Giá trị ⁽¹⁰⁾: Giá trị ước tính khoảng 300 triệu đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: BM 115843 do UBND huyện Hải Hậu cấp ngày 17/4/2013, người sử dụng Nguyễn Thị Chiên

- Thông tin khác (nếu có): Không

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:
Không

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 156.000.000 đồng....
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 60.000.000 đồng....
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp			



<p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>		+ 216 triệu	<p>- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 156 triệu</p> <p>- Thu nhập của chồng 60 triệu</p>
--	--	-------------	--

Hải Hậu, ngày tháng năm
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Yên Định, ngày 15 tháng 12 năm 2021
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Chiên

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 15 tháng 12 năm 2021)⁽²⁾**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà Ngày tháng năm sinh: 04/8/1972
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Yên Định
- Nơi thường trú: Xóm 8, Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 161914350 ngày cấp 25 tháng 11 năm 2011; nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập: Không

- Họ và tên: Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: Không

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:..... ngày cấp.....
nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Không

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Xóm 8, Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định.
- Diện tích⁽⁹⁾: 100m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định được giá trị vì không có giao dịch đối với tài sản tương tự



- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Y 030053 do UBND huyện cấp ngày 28/6/2004 đứng tên Phạm Văn Thạch

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: Đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng lúa. Địa chỉ: Xóm 3, Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định.

- Diện tích: 777 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định được giá trị vì không có giao dịch đối với tài sản tương tự

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số I 947620 do UBND huyện cấp ngày 20/11/1996 đứng tên Phạm Văn Thạch

- Thông tin khác (nếu có): Không

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Xóm 8, Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 150m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định được giá trị vì sử dụng đã lâu

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Y 030053 do UBND huyện cấp ngày 28/6/2004 đứng tên Phạm Văn Thạch

- Thông tin khác (nếu có): Không

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không có

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không có

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không có

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: Không có

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không có

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không có

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không có

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không có

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá			

<p>trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾</p>		142800000	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp
--	--	-----------	--

Hải Hậu, ngày... tháng... năm 2021
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Yên Định, ngày 15 tháng 12 năm 2021
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thu Hà